

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND

TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung	Mã QHNS	Nguồn
1	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	Chi hỗ trợ các đơn vị sản xuất thiệt hại do dịch bệnh	1160730	12
		Kinh phí mua vật tư phục vụ tiêu hủy	1160730	12

D xã Ba Vì)

Mã chương- Mã ngành	Kinh phí bổ sung	Ghi chú
821-338	249.360.000	
821-338	7.405.000	

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐƯỢC HỖ TRỢ THIẾT HẠY DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Ba Vì)

TT	Tên cơ sở sản xuất (hộ gia đình)	Địa chỉ	Số lượng (con)	Trọng lượng (kg)	Định mức hỗ trợ (đồng/kg)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hà Văn Quý	Thôn Nước Xuyên	14	1.149	40.000	45.960.000	
2	Nguyễn Tấn Toàn	Thôn Làng Trui	14	590	40.000	23.600.000	
3	Phạm Thị Hành	Thôn Làng Trui	3	546	40.000	21.840.000	
4	Phạm Văn Trĩ	Thôn KRầy	3	112	40.000	4.480.000	
5	Phạm Văn Thúy	Thôn KRầy	8	319	40.000	12.760.000	
6	Phạm Văn Hé	Thôn KRầy	3	115	40.000	4.600.000	
7	Phạm Văn Trá	Thôn KRầy	5	177	40.000	7.080.000	
8	Phạm Văn Vang	Thôn KRầy	2	77	40.000	3.080.000	
9	Phạm Văn Tập	Thôn Nước Lầy	5	369	40.000	14.760.000	
10	Phạm Văn Rinh	Thôn Nước Lầy	5	159	40.000	6.360.000	
11	Phạm Văn Thung	Thôn KRên	4	220	40.000	8.800.000	
12	Phạm Văn Nhớ	Thôn Màng Biều	22	258	40.000	10.320.000	
13	Phạm Văn Bơi	Thôn Màng Biều	8	161	40.000	6.440.000	
14	Phạm Văn Vo	Thôn Màng Biều	12	305	40.000	12.200.000	
15	Phạm Văn Êm	Thôn Màng Biều	18	234	40.000	9.360.000	
16	Phạm Thị Anh	Thôn Màng Biều	20	431	40.000	17.240.000	
17	Phạm Quốc Đạo	Thôn Nước Tia	4	174	40.000	6.960.000	
18	Phạm Văn Xây	Thôn Nước Tia	4	201	40.000	8.040.000	
19	Phạm Văn Sung	Thôn Nước Tia	6	244	40.000	9.760.000	
20	Phạm Văn Ui	Thôn Nước Tia	8	149	40.000	5.960.000	
21	Phạm Văn Lâm	Thôn Nước Tia	4	160	40.000	6.400.000	
22	Phạm Thị Đoàn	Thôn Nước Tia	9	84	40.000	3.360.000	
Tổng cộng			181	6.234		249.360.000	

(Số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng)